

# Các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động thể thao ngoại khoá của sinh viên Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh Đại học Thái Nguyên

Nguyễn Ngọc Bình

ThS. Trường ĐH Kinh tế và Quản trị kinh doanh ĐH Thái Nguyên

Received: 2/1/2024; Accepted: 5/1/2024; Published: 8/1/2024

**Abstract:** Utilizing commonly employed scientific research methods in the field of sports, this study assesses the current state of extracurricular sports activities at the University of Economics and Business - Thai Nguyen University. The evaluation encompasses various aspects such as the nature of activities, the number of participants, training motivations, the organization density of the university's sports competitions, and factors leading to students' lack of participation in extracurricular sports. The findings from this assessment serve as a foundation for selecting and implementing measures aimed at enhancing the effectiveness of extracurricular physical activities. Simultaneously, these measures contribute to improving the physical fitness and academic performance of the university's students.

**Keywords:** Current state; Extracurricular sports; Measures; Evaluation; University of Economics and Business - Thai Nguyen University.

## 1. Đặt vấn đề

Thể dục thể thao (TDTT) trong trường học là hoạt động nhằm nâng cao sức khỏe và thể lực, bồi dưỡng phẩm chất đạo đức, ý chí, giáo dục nhân cách cho học sinh, sinh viên (SV); góp phần đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Để hoạt động TDTT đáp ứng được mục đích nâng cao kỹ năng vận động cơ bản cho người học, ngoài giờ học chính khóa, SV phải được tổ chức tập luyện ngoại khóa dưới nhiều hình thức khác nhau vì thời gian học sinh, SV tham gia học tập các môn thể thao chính khóa chỉ đáp ứng được một số kỹ thuật cơ bản. Đánh giá *Thực trạng và các yếu tố ảnh hưởng tới hoạt động thể thao ngoại khoá của sinh viên Trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh - Đại học Thái Nguyên* sẽ là cơ sở để lựa chọn các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác thể thao ngoại khóa cho SV nhà trường.

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.1. Phương pháp nghiên cứu

Tác giả sử dụng các PP sau: Tổng hợp và phân tích tài liệu; Phỏng vấn; Quan sát sư phạm; Toán học thống kê.

### 2.2. Các hình thức hoạt động TDTT ở Trường ĐH Kinh tế và QTKD

Qua quan sát và tìm hiểu thực tế, cùng với phỏng vấn cán bộ GV và SV của trường, kết quả cho thấy nhà trường có một số hình thức hoạt động TTNK sau:

+ Hoạt động TT tự tập luyện.

+ Hình thức hoạt động theo câu lạc bộ.

+ Hình thức hoạt động TT thi đấu.

+ Hình thức hoạt động TT có GV hướng dẫn.

### 2.3. Hoạt động TDTT ngoại khóa của sinh viên Trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh

*\*Thực trạng SV tham gia luyện tập TDTT ngoại khóa*

Nghiên cứu đã tiến hành phỏng vấn SV về mức độ thường xuyên luyện tập TDTT, thời điểm và thời gian tập luyện trong ngày.

### Bảng 2.1. Thực trạng SV tham gia luyện tập TDTT (n=250)

TT	Nội dung phỏng vấn	Kết quả	
		SP	%
<b>Số buổi luyện tập trong tuần</b>			
1	Thường xuyên (trên 3 buổi)	12	4.80
2	Đều đặn (2-3 buổi)	39	15.60
3	Thỉnh thoảng (1 buổi)	123	49.20
4	Không tập	76	30.40
<b>Tập vào thời gian nào trong ngày</b>			
1	Sáng	18	10.34
2	Chiều	97	55.75
3	Tối	59	33.91
<b>Thời gian tập trong một buổi</b>			
1	Dưới 90 phút	33	18.97
2	Khoảng 90 -120 phút	129	74.14
3	Trên 120 phút	12	6.90

Bảng 2.1 cho thấy: SV tham gia tập luyện một cách thường xuyên rất ít chiếm 4.8%, số SV tập đều đặn 2-3 buổi/tuần chiếm 15.6%, số SV thỉnh thoảng mới ra sân 1 buổi/tuần chiếm tỷ lệ 49.2%, số hoàn toàn không tập chiếm 30.4%. Kết quả trên cho thấy số SV sau khi học xong môn GDTC hầu hết không tập luyện hoặc rất ít tập luyện.

Đa số các SV bố trí thời gian tập luyện vào buổi chiều, sau giờ học chiếm 55.75%, một số khác lại tập luyện vào buổi tối – 33.91%, số SV còn lại lựa chọn tập luyện buổi sáng (10.34%). Thời gian tập luyện trong một buổi tập của SV phổ biến là từ 90-120 phút (74.14%), dưới 90 phút là 18.97% và 6.9% số SV còn lại trả lời thời gian tập của họ trong một buổi tập trên 120 phút.

\*Động cơ tham gia tập luyện TDTT ngoại khoá

Trên cơ sở hoạt động ngoại khoá, nghiên cứu tìm hiểu động cơ tập luyện TDTT ngoại khoá qua phỏng vấn 1485 SV Trường ĐH Kinh tế và QTKD.

Bảng 2.2. Kết quả điều tra về động cơ tập luyện ngoại khoá của SV Trường ĐH Kinh tế và QTKD (n = 1485)

TT	Nội dung phỏng vấn	Kết quả phỏng vấn	
		n	%
1	- Ham thích	525	35,35
2	- Nhận thấy tác dụng RLTT	564	37,98
3	- Đề đối phó trong thi, kiểm tra	267	17,98
4	- Sử dụng thời gian rảnh rỗi	129	8,69

Bảng 2.2 cho thấy: Động cơ chính của SV khi tham gia tập luyện ngoại khoá được xác định chủ yếu là do nhận thấy tác dụng của tập luyện TDTT chiếm 37,98% và ham thích chiếm 35,35%. Còn số SV tập luyện ngoại khoá với lý do sử dụng thời gian nhàn rỗi và đề đối phó với thi, kiểm tra chiếm tỷ lệ rất thấp (8,69% và 17,98%).

#### 4. Công tác tổ chức các giải TDTT cấp Trường và các yếu tố hạn chế SV không tập luyện TDTT ngoại khoá

\*Các giải TDTT cấp Trường

Nghiên cứu tiến hành phỏng vấn 250 SV về tính thường xuyên, liên tục của giải đấu trong nhà trường. Kết quả đã được trình bày ở bảng 2.3.

Bảng 2.3. Kết quả phỏng vấn SV Trường ĐH Kinh tế và QTKD và công tác tổ chức các giải thể thao (n = 250)

TT	Nội dung phỏng vấn	Kết quả phỏng vấn	
		Số người	%
1	Hàng năm các giải TDTT được tổ chức cấp Trường ĐH Kinh tế và QTKD như vậy là:		
	Nhiều	45	18.00
	Vừa đủ	71	28.40

2	Ít	134	53.60
	Hàng năm các giải thi đấu TDTT cấp Khoa là:		
	Nhiều	28	11.20
	Vừa đủ	57	22.80
3	Ít	165	66.00
	Tham gia các giải thể thao bên ngoài:		
	Nhiều	5	2.00
	Vừa đủ	11	4.40
	Ít	234	93.60

Phân tích kết quả phỏng vấn được trình bày trên bảng 3 cho thấy trong số 250 SV được hỏi về công tác tổ chức các giải TT cấp Trường ĐH Kinh tế và QTKD thì đa số SV cho rằng các giải đấu cấp trường như vậy là quá ít chiếm 53.6%, số còn lại đánh giá là vừa đủ (28.4%) và số đánh giá nhiều (18%).

Tuy nhiên về các giải thể thao cấp Khoa được đa số sinh viên cho rằng quá ít (66%), đánh giá là đủ (22.8%) và số sinh viên cho là nhiều chỉ có 11.2%.

Về việc tham gia các giải TT ngoài trường, đa số các ý kiến trả lời đều xác định trường tham gia quá ít các giải TT ở ngoài do Bộ GD&ĐT tổ chức hoặc các giải TT cấp tỉnh cũng như tham gia các giải khác (93.6%), số đánh giá vừa đủ là 4.4%, chỉ có 2% số SV được hỏi trả lời là nhiều.

Có thể thấy rõ ở cả 3 nội dung được hỏi về mật độ các giải TT hàng năm tổ chức cho SV thì đa số các ý kiến của SV cho rằng còn ít. Điều này cho thấy nhu cầu tham gia các giải thi đấu do trường tổ chức, cũng như tham gia các giải đấu bên ngoài là rất lớn. Đây cũng là cơ sở để xây dựng nội dung, hình thức tổ chức cho phù hợp với nhu cầu của SV.

\*Các yếu tố ảnh hưởng đến SV không tập luyện TDTT ngoại khoá

Sau khi nghiên cứu tổng hợp tài liệu và thực trạng công tác GDTC của nhà trường để tìm ra các nguyên nhân dẫn đến số lượng SV không tập luyện TDTT ngoại khoá. Nghiên cứu đưa ra các nội dung phỏng vấn tại bảng 2.4 như sau:

Bảng 2.4. Các yếu tố dẫn đến SV không tập luyện TT ngoại khoá

TT	Nội dung phỏng vấn	Kết quả	
		n	%
1	- Không có đủ điều kiện sân bãi, dụng cụ	253	23,76
2	- Nội dung môn học khác chi phối quá nhiều thời gian	46	4,32
3	- Chưa có CLB TT cho SV	75	7,04
4	- Không có GV hướng dẫn	462	43,38
5	- Công tác tuyên truyền động viên chưa chú trọng.	39	3,66
6	- Không có môn TT nào phù hợp.	40	3,76
7	- Hoạt động TTNK của trường chưa phát triển.	150	14,08

Bảng 2.4 cho thấy: Lý do chủ yếu dẫn đến việc SV không tham gia tập luyện ngoại khoá trong số 1065 SV theo thứ tự là: Không có đủ điều kiện sân bãi dụng cụ (253/1065, chiếm 23,76%), không có GV hướng dẫn (462/1065, chiếm 43,38%), hoạt động TTNK của trường chưa phát triển (150/1065, chiếm 14,08%). Ngoài ra còn một số lý khác chiếm tỷ lệ thấp hơn như: Chưa có CLB TT cho SV (7,04%). Nội dung môn học khác chi phối quá nhiều thời gian (4,32%). Không có môn TT nào phù hợp (3,76%), Công tác tuyên truyền động viên chưa được chú trọng (3,66%).

### 3. Kết luận

Qua đánh giá thực trạng hoạt động TTNK của SV Yrường ĐH Kinh tế và QTKD, nghiên cứu đã chỉ ra được một số vấn đề như sau:

SV tham gia tập luyện TTNK thường xuyên rất ít; trong đó số hoàn toàn không tập chiếm 30.4%. Động cơ chính của SV khi tham gia tập luyện ngoại khoá được xác định chủ yếu là do nhận thấy tác dụng của tập luyện TDTT chiếm 37,98% và ham thích

chiếm 35,35%. Trong các yếu tố ảnh hưởng tới hoạt động TTNK của SV thì yếu tố không có GV hướng dẫn chiếm tỉ lệ 43,38%.

Vấn đề ngoại khóa của SV sau khi không học môn GDTC sẽ khó có thể kiểm soát do SV không ràng buộc các điểm học. Vì vậy phải có những giải pháp thích hợp giúp SV hiểu vai trò của rèn luyện TDTT để tự giác tham gia luyện tập, từ đó sẽ tạo ra những sân chơi bổ ích cho SV.

### Tài liệu tham khảo

1. Lê Bửu, Nguyễn Thế Truyền (1989), *Lý luận và phương pháp thể thao trẻ*, NXB TDTT TP. Hồ Chí Minh.
2. Dương Nghiệp Chí (1991), *Đo lường thể thao*, NXB TDTT. Hà Nội
3. Lê Đức Ngọc (1996), *Kiểm tra- Đánh giá thành quả học tập*, NXBĐH Quốc gia. Hà Nội
4. Nguyễn Xuân Sinh và Cs (2006). *Giáo trình phương pháp nghiên cứu khoa học Thể dục thể thao*. NXBTDTT. Hà Nội

## Thuật toán di truyền – Bài khảo sát... (tiếp theo trang 72)

Đột biến khá đơn giản. Chúng tôi chỉ thay đổi các alen đã chọn dựa trên những gì bạn cảm thấy cần thiết và tiếp tục. Tuy nhiên, đột biến là rất quan trọng để đảm bảo sự đa dạng di truyền trong quần thể.

### 3. Kết luận

Trên cơ sở khảo sát, có nhiều phòng thí nghiệm khác nhau về cơ bản tập trung vào nghiên cứu được thực hiện trên Thuật toán di truyền

Phòng thí nghiệm thuật toán di truyền Kanpur (KanGAL) là một phòng thí nghiệm nghiên cứu tại Viện Ấn Độ

Technology Kanpur chuyên theo đuổi nghiên cứu và hợp tác công nghiệp trong các lĩnh vực thuật toán di truyền, bộ điều khiển logic mờ, tin sinh học và mạng lưới thần kinh. Nghiên cứu cơ bản và ứng dụng vào các vấn đề kỹ thuật là trọng tâm chính của KanGAL.

KanGAL được thành lập vào năm 1997. Kể từ đó phòng thí nghiệm đã sản xuất một số luận án tiến sĩ và luận văn thạc sĩ liên quan đến thuật toán di truyền, bộ điều khiển logic mờ và mạng lưới thần kinh. Một số sinh viên đại học cũng đã được đào tạo về các lĩnh vực này. Bên cạnh nghiên cứu cơ bản, KanGAL còn tích cực hợp tác với các ngành công nghiệp và đặc biệt quan tâm đến việc sử dụng các kỹ thuật tính toán mềm để giải quyết các vấn đề công nghiệp.

### Tài liệu tham khảo

1. R. Agrawal and G. Psaila, “Active data mining,” *Current*, pp. 3-8, 1995.

2. S. H. Liao, P.H. Chu, and P. Y. Hsiao, “Data mining techniques and applications - A decade review from 2000 to 2011,” *Expert Syst. Appl.*, vol. 39, no. 12, pp. 11303-11311, 2012.

3. G. E. Vlahos, T. W. Ferratt, and G. Knoepfle, “The use of computer-based information systems by Gennan managers to support decision making,” *Irtf: Manag.*, vol. 41, no. 6, pp. 763-779, 2004.

4. I. H. Witten, E. Frank, and M. a Hall, *Data Mining: Practical Machine Learning Tools and Techniques (Google eBook)*. 2011.

5. D. K. Bhattacharyya and S. M. Hazarika, *Networks, Data Mining And Artificial Intelligence: Trends And Future Directions*, 1st ed. Narosa Pub House, 2006.

6. M. Karegar, A. Isazadeh, F. Fartash, T. Sadari, and A.H. Navin, “Data-Mining by Probability-Based Patterns,” pp. 353-360, 2008.

7. H. Thomas and L. Paul, *Statistics: Methods and Applications*, 1st ed. StatSoft, Inc, 2005.

8. M. Kantardzic, *Data Mining: Concepts, Models, Methods, and Algorithms*, 2nd ed. Wiley-IEEE Press, 2011.

9. P. Berkhin, “A Survey of Clustering Data Mining,” *Group. Multidimens. Data*, no. c, pp. 25-71, 2006.

10. T. P. Hong, K. Y. Lin, and S. L. Wang, “Fuzzy data mining for interesting generalized association rules,” *Fuzzy Sets Syst.*, vol. 138, no. 2, pp. 255-269, 2003.